TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2019
"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hổ**.

2- Ông **Danh Si Phal**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Út Sang.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên toà: Ông **Lê Hữu Nghị** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1972. (Có mặt)

2- Bị đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 nguyên đơn Bà Huỳnh Thị P trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Q cưới nhau vào năm 1989, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng đến ngày 20/11/2002 thì vợ chồng bà mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A (nay là huyện U Minh Thượng), tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cải, hơn nửa ông Q có quan hệ bất

chính với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con và từ đó vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Bà xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Trần Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 03 đứa con tên Trần Trung K, sinh năm 1989, Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1993 và Trần Vũ L, sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà P trình bày là để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Q Tòa án đã tống đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Huỳnh Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và ông Trần Văn Q vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị P xử cho bà P và ông Trần Văn Q được ly hôn.

Về con chung: Các con của bà P, ông Q đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản và phần nợ chung: Bà P trình bày là để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Trần Văn Q được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với Ông Trần Văn Q.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị P và ông Trần Văn Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A (nay là huyện U Minh Thượng), tỉnh Kiên Giang. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 317 do Bà Pcung cấp nên hôn nhân của bà P và ông Q là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, theo bà P trình bày thì sau thời gian vợ chồng chung sống đến năm 2011 thì vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi với nhau và từ đó hạnh phúc gia đình không còn nữa, bản thân ông Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thông báo cho ông Q biết việc bà P yêu cầu xin ly hôn với ông Q nhưng ông Q không có ý kiến gì cũng như không đến tham gia giải quyết vụ án để thể hiện ý kiến là còn thương vợ con mình cũng như là hàn gắn tình cảm với nhau để vợ chồng đoàn tụ chung sống. Qua biên bản xác minh ở địa phương cho thấy rằng tình cảm vợ chồng của bà P và ông Q có xảy ra mâu thuẫn là do ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên xảy cự cải với nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P xử cho bà Huỳnh Thị P và ông Trần Văn Q ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà P trình bày vợ chồng có 03 đứa con tên Trần Trung K, sinh năm 1989, Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1993 và Trần Vũ L, sinh năm 1997. Hiện các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án xem xét.

Xét thấy các con của bà P đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, nội dung này được thể hiện tại các giấy khai sinh của các con Bà P và ông Qdo Bà Pcung cấp nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Bà P trình bày là để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án Ông Trần Văn Q cũng không có ý kiến về việc này nên HĐXX ghi nhận ý kiến trình bày của Phượng và không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0000761, ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Huỳnh Thị P và ông Trần Văn Q được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Các con của bà P và ông Q đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Buộc bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0000761, ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Vậy bà P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho bà Huỳnh Thị P có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/5/2019). Đối với ông Trần Văn Q vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã Thạnh Yên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Văn phòng.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh